

Số: /BC-SYT

Đồng Tháp, ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác y tế trường học năm 2023

(Theo Thông tư số 33/2021/TT-BYT

ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Căn cứ Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Sở Y tế Đồng Tháp báo cáo công tác y tế trường học năm 2023 theo nội dung Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung

- Dân số chung: 1.603.000 người
- Số quận/huyện/thành phố: 12 (09 huyện, 03 thành phố)
- Số xã/phường/thị trấn: 143
- Tổng số cán bộ phụ trách công tác y tế trường học (YTTH) tuyển tỉnh, trong đó: Sở Y tế: 01 người; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 02 người.
- Tổng số cán bộ phụ trách công tác YTTH tuyển huyện: 12 người.
- Tổng số cán bộ phụ trách công tác YTTH tuyển xã: 143 người
- Nguồn kinh phí triển khai hàng năm cho công tác YTTH:
 - + Nguồn Trung ương: 0 đ
 - + Nguồn địa phương: 100.000.000 đồng
 - + Nguồn khác: 0đ
- Thông tin chung về cơ sở giáo dục (CSGD) (chi tiết Danh sách tại Phụ lục)

TT	Loại hình đơn vị	Tổng số CSGD	Số người học	Số người học có thẻ bảo hiểm y tế	Số CSGD có phòng riêng để sơ cứu, cấp cứu
1	Trường đại học/học viện	1	6324	6264	1
2	Trường cao đẳng	3	5860	2154	3
3	Trường trung cấp	1	365	0	0
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	6	11610	0	1
5	Khác (ghi rõ)...	0	0	0	0
Tổng cộng		11	24159	8418	5

(Trong năm 2023, theo danh sách được cung cấp, hiện có 11/15 cơ sở giáo dục thực hiện báo cáo)

- Thông tin chung về nhân viên YTTH:

TT	Loại hình đơn vị	Số CSGD có nhân viên YTTH	Số nhân viên YTTH			
			Tổng số	Trình độ trung cấp	Trình độ cao đẳng	Trình độ đại học trở lên
1	Trường đại học/học viện	1	3	2	0	1
2	Trường cao đẳng	3	5	5	0	0
3	Trường trung cấp	0	0	0	0	0
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	2	0	0	0	2 (Giáo viên kiêm nhiệm)
5	Khác (ghi rõ) ...	0	0	0	0	0
Tổng cộng		6	8	7	0	3

- Thông tin chung về chăm sóc sức khỏe người học

TT	Đơn vị	Số CSGD có xây dựng kế hoạch YTTH	Số CSGD có khám sức khỏe định kỳ	Số người học được khám sức khỏe định kỳ
1	Trường đại học/học viện	1	1	3425
2	Trường cao đẳng	3	3	3412
3	Trường trung cấp	0	0	0
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0	0	0
5	Khác (ghi rõ)...	0	0	0
Tổng cộng		4	4	6837

- Đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về YTTH

TT	Đối tượng được tập huấn	Số lớp	Số học viên
1	Cán bộ phụ trách YTTH tuyến tỉnh	3	6
2	Cán bộ phụ trách YTTH tuyến huyện	12	12
3	Cán bộ phụ trách YTTH tuyến xã	12	143
4	Nhân viên YTTH của cơ sở giáo dục	12	599

II. Chăm sóc sức khỏe người học

1. Tình hình bệnh tật

TT	Nguy cơ sức khỏe Loại hình đơn vị	Số người học mắc								
		Suy dinh dưỡng	Thừa cân, béo phì	Bệnh răng miệng	Bệnh về mắt	Tim mạch	Hô hấp	Tâm thần - thần kinh	Bệnh cơ xương khớp	Khác (ghi rõ) ...
1	Trường đại học/học viện	0	0	0	0	10	350	1	56	0
2	Trường cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Trường trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Khác (ghi rõ)...	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		0	0	0	0	10	350	1	56	0

2. Tình hình dịch, bệnh truyền nhiễm (Chỉ ghi nhận số liệu của TTGDNN Kỹ thuật giao thông Đồng Tháp)

TT	Tên dịch bệnh	Số mắc	Số tử vong	Ghi chú
1	Dịch covid-19	25	0	
2	Đau mắt đỏ	06	0	

3. Sơ cứu, cấp cứu, tai nạn thương tích

TT	Loại tai nạn thương tích	Tổng số mắc	Số xử trí, chuyển tuyến	
			Xử trí tại chỗ	Chuyển tuyến
1	Tai nạn lao động	5	5	0
2	Trượt, ngã	22	20	2
3	Bỏng	0	0	0
4	Đuối nước	0	0	0
5	Điện giật	0	0	0
6	Súc vật cắn	0	0	0
7	Ngộ độc	0	0	0
8	Cắt vào tay chân	10	10	2
9	Bị đánh	0	0	0
10	Tai nạn giao thông	10	10	2
11	Khác (ghi rõ) ...			
	Hạ canxi	13	13	0
	Hạ đường huyết	14	14	0
	Viêm dạ dày	4	4	0
	Đau bụng CRNN	1	1	1
	Hen cấp tính	1	1	1
	Đau thắt ngực	1	1	1
	Rối loạn thân kinh	1	1	1

4. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe

TT	Nội dung	Số CSGD có triển khai	Hình thức (trực tiếp/ gián tiếp)	Số lượt truyền thông	Số lượt người học được truyền thông
1	Phòng, chống tai nạn thương tích	5	Gián tiếp/Trực tiếp	3	9924
2	Hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, lối sống lành mạnh	3	Trực tiếp	4	8674
3	Phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm	3	Gián tiếp/Trực tiếp	3	8674
4	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	4	Gián tiếp/Trực tiếp	4	9324
5	Phòng, chống bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng, chống HIV/AIDS	5	Gián tiếp/Trực tiếp	6	9524
6	Phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, ma túy, các chất gây nghiện khác	6	Gián tiếp/Trực tiếp	68	12440
7	Khác (ghi rõ)...	2	0	2	8324

5. Triển khai các chương trình y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Số CSGD có triển khai	Ghi chú
1	Phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm	6	
2	Phòng chống ngộ độc thực phẩm	7	
3	Hoạt động thể lực nâng cao sức khỏe	6	
4	Phòng chống tác hại thuốc lá	6	
5	Phòng chống tác hại rượu bia và các chất gây nghiện khác	6	
6	Phòng, chống HIV/AIDS	6	
7	Sức khỏe sinh sản; sức khỏe tình dục, giới tính	7	
8	Phòng chống tai nạn thương tích	6	
9	Khác (ghi rõ) ...	2	

III. Công tác kiểm tra về bảo đảm vệ sinh trường học (ghi nhận từ báo cáo của đơn vị/chưa thực hiện kiểm tra)

TT	Nội dung	Số CSGD được kiểm tra	Số đạt điều kiện	Tỷ lệ % đạt
I. Tại cơ sở giáo dục				
1	Điều kiện vệ sinh chung			
2	Điều kiện về mức chiếu sáng phòng học, khu chức năng	7	7	100
3	Điều kiện về các yếu tố có hại tại phòng thí nghiệm, thực nghiệm, khu, xưởng thực hành* (áp dụng đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có yếu tố có hại ảnh hưởng đến sức khỏe người học, giáo viên) - Tiếng ồn; - Vi khí hậu; - Khác (ghi rõ)...	4	4	100
4	Điều kiện về chất lượng nước uống	7	7	100
5	Điều kiện về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	7	7	100
6	Điều kiện về nhà tiêu	7	7	100
7	Điều kiện về phân loại, thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt	7	7	100
II. Tại ký túc xá, nơi ở nội trú, bán trú cho người học				
8	Điều kiện vệ sinh chung	5	5	100
9	Điều kiện về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	5	5	100
10	Điều kiện về nhà tiêu	5	5	100
11	Điều kiện về phân loại, thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt	5	5	100

* Yếu tố có hại: tiếng ồn, vi khí hậu... (liệt kê theo kết quả quan trắc môi trường lao động của cơ quan/đơn vị có thẩm quyền).

IV. Công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm

TT	Loại hình đơn vị	Số CSGD có nhà ăn, bếp ăn	Số CSGD được kiểm tra		
			Tổng số	Số CSGD bảo đảm điều kiện	Tỷ lệ % bảo đảm
1	Trường Đại học/học viện	1	1	1	
2	Trường Cao đẳng	2	2	2	
3	Trường Trung cấp	1	1	1	
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	2	2	2	
5	Khác (ghi rõ) ...				
Tổng cộng		6	6	6	

V. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai công tác y tế trường học

Các trường vẫn chưa có đầy đủ bộ phận y tế trường học thực hiện công tác quản lý, chăm sóc nâng cao sức khỏe học sinh; công tác báo cáo chưa kịp thời, đa số là cán bộ kiêm nhiệm không có số liệu báo cáo, ghi chép chưa đầy đủ các thông tin, khi có sự cố chưa kịp thời báo cáo, không có đầu mối chính.

VI. Đề xuất, kiến nghị

Cục Quản lý Môi trường y tế: xem xét tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về công tác quản lý, phối hợp liên ngành kiểm tra về việc thực hiện công tác y tế trường học năm 2023 theo nội dung Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: tiếp tục phối hợp với Ngành Y tế trong việc tổ chức tập huấn chuyên môn cho nhân viên y tế trường học; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện công tác y tế trường học quy định tại Thông tư; hướng dẫn thực hiện các chế độ thông tin, báo cáo liên quan.

Các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp: tăng cường công tác tự giám sát việc thực hiện công tác y tế trường học tại cơ sở; cử cán bộ phụ trách tham gia các lớp tập huấn, đảm bảo chế độ hỗ trợ, quyền lợi lâu dài cho cán bộ phụ trách chương trình.

Trên đây là báo cáo của Sở Y tế Đồng Tháp về công tác y tế trường học năm 2023 theo nội dung Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Cục QLMTYT (b/c);
- VPUBND Tỉnh (b/c);
- Sở: SLĐ-TB&XH, SGD&ĐT (b/c);
- BGĐ SYT (b/c);
- TTKSBT (biết);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Tùng Lâm

Phụ lục
Danh sách các Trường đã phối hợp gửi báo cáo
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày /01/2024)

(Theo Danh sách được cung cấp, hiện có 11/15 cơ sở giáo dục thực hiện báo cáo)

1. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
2. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Tam Nông
3. Trường Cao Đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô
4. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Kỹ thuật giao thông Đồng Tháp.
5. Trường Trung Cấp Tháp Mười
6. Giáo dục nghề nghiệp huyện Lai Vung
7. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Châu Thành
8. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Hồng Ngự
9. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Lấp Vò
10. Trường cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp
11. Trường Đại học Đồng Tháp